

QUAN ĐIỂM CỦA LIÊN HỢP QUỐC VỀ CÁC YẾU TỐ CỦA QUẢN TRỊ TỐT VÀ GIÁ TRỊ THAM KHẢO ĐỐI VỚI VIỆT NAM

PGS, TS. NGUYỄN TRỌNG BÌNH

Học viện Chính trị khu vực IV

● **Tóm tắt:** Mặc dù mức độ vận dụng các đặc trưng của quản trị tốt (Good governance) vào bối cảnh cụ thể của từng quốc gia có thể khác nhau do nhiều nguyên nhân, song các yếu tố cấu thành quản trị tốt với tư cách là những giá trị văn minh phổ quát - vẫn là mục tiêu định hướng cho quá trình đổi mới quản trị quốc gia và quản trị địa phương trên toàn thế giới hiện nay. Trên cơ sở khái lược các quan điểm khác nhau về các yếu tố cấu thành quản trị tốt, bài viết tập trung phân tích các yếu tố của quản trị tốt theo quan điểm của Liên hợp quốc, từ đó rút ra những giá trị tham khảo đối với Việt Nam trong bối cảnh hiện nay.

● **Từ khóa:** Quản trị tốt; Liên hợp quốc; Đổi mới quản trị quốc gia.

Trước những hạn chế, bất cập của mô hình quản trị nhà nước truyền thống và sự thay đổi của môi trường quản trị, từ cuối thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, trên phạm vi toàn cầu đã diễn ra sự chuyển dịch từ mô hình quản lý nhà nước truyền thống sang mô hình quản trị dựa trên các nguyên tắc và yếu tố của quản trị tốt. Đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại là một trong những chủ trương lớn và nhiệm vụ trọng tâm ở nước ta trong giai đoạn phát triển mới. Do đó, việc nghiên cứu và tham khảo hệ thống các yếu tố của quản trị tốt theo quan điểm của Liên hợp quốc có ý nghĩa quan trọng cả về lý luận và thực tiễn.

1. Khái lược các quan điểm khác nhau về các yếu tố cấu thành quản trị tốt

Quản trị tốt là một thuật ngữ được sử dụng tương đối phổ biến trong các báo cáo của các tổ chức quốc tế như: Liên hợp quốc (UN), Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)... từ những năm 90 của thế kỷ XX đến nay. Có thể cho rằng, *quản trị tốt (cụ thể hơn là quản trị công tốt - Good public governance) chính là quá trình quản trị xã hội ở một quốc gia hoặc địa phương đạt được mục tiêu tối đa hóa lợi ích công. Về bản chất, quản trị tốt nhấn mạnh việc tối đa hóa lợi ích công cũng như tính công bằng và bao trùm trong quản lý xã hội và việc đảm bảo lợi ích cho toàn thể công dân. Về chủ thể, quản trị tốt nhấn mạnh sự phối hợp, tham gia của nhiều chủ thể, mà cốt lõi là giữa nhà nước, thị trường và xã hội trong quá trình giải quyết các vấn đề công.*

Về mối quan hệ giữa nhà nước và công dân, quản trị tốt nhấn mạnh việc tăng cường năng lực tự quản của xã hội cũng như sự tương tác tích cực giữa nhà nước và công dân.

Cho đến nay, mặc dù còn nhiều ý kiến khác nhau nhưng vẫn có sự đồng thuận về các yếu tố cơ bản của quản trị tốt. Với nhận thức cho rằng, quản trị tốt là yếu tố then chốt quyết định sự thành công của phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt ở các nước đang phát triển. Trong Báo cáo Khung chỉ số quản trị toàn cầu (WGI), WB cho rằng, quản trị tốt có 6 yếu tố chủ yếu bao gồm: 1) Tiếng nói và trách nhiệm giải trình; 2) Ổn định chính trị và không có bạo lực; 3) Hiệu quả của chính phủ; 4) Chất lượng điều hành, hoặc chất lượng thể chế và hiệu quả thực thi thể chế; 5) Pháp quyền; 6) Kiểm soát tham nhũng¹.

Thời gian qua, nhiều tổ chức quốc tế đã đưa ra các bộ tiêu chí khác nhau về quản trị tốt. Theo Tổ chức Minh bạch quốc tế, quản trị tốt gồm 6 yếu tố cơ bản, gồm: 1) Minh bạch; 2) Trách nhiệm giải trình; 3) Liêm chính; 4) Pháp quyền; 5) Sự tham gia; 6) Hiệu quả và năng lực đáp ứng². Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD) cũng nhấn mạnh một số yếu tố như: 1) Tính mở và minh bạch; 2) Liêm chính và đạo đức công vụ; 3) Trách nhiệm giải trình; 4) Sự tham gia của công dân; 5) Hiệu quả và hiệu lực; 6) Pháp quyền³. Trong khi đó, Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP) đưa ra một bộ tiêu chí rộng hơn với 8 yếu tố: 1) Sự tham gia; 2) Pháp quyền; 3) Tính minh bạch; 4) Trách nhiệm giải trình; 5) Định hướng đồng thuận; 6) Công bằng và bao trùm; 7) Hiệu quả và năng lực đáp ứng; 8) Tầm nhìn chiến lược⁴.

Tại Việt Nam, Chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh (PAPI) cũng đã đề

cập đến nhiều yếu tố cốt lõi của quản trị tốt, như: Sự tham gia của người dân ở cấp cơ sở, công khai minh bạch, trách nhiệm giải trình với người dân, kiểm soát tham nhũng trong khu vực công, thủ tục hành chính công, cung ứng dịch vụ công... Trong bài viết *Một số vấn đề lý luận về đánh giá quản trị công*, tác giả Nguyễn Trọng Bình cho rằng, quản trị tốt gồm các yếu tố cơ bản như: Tính hợp pháp của nhà nước (mức độ thừa nhận và ủng hộ của người dân đối với chính quyền); sự tham gia của công dân; công khai, minh bạch; tính trách nhiệm; pháp quyền; hiệu lực, hiệu quả; công bằng xã hội; liêm chính (hay kiểm soát tham nhũng); ổn định xã hội⁵. Như vậy, tuy không có sự thống nhất hoàn toàn về các yếu tố của quản trị tốt, nhưng các quan điểm nói trên đều quy tụ ở những yếu tố cơ bản và phổ quát của quản trị tốt, bao gồm: Công khai minh bạch; sự tham gia của công dân; trách nhiệm giải trình; pháp quyền; công bằng xã hội; hiệu lực, hiệu quả; kiểm soát tham nhũng.

2. Các yếu tố của quản trị tốt theo quan điểm của Liên hợp quốc

Trên thực tế, một số cơ quan của Liên hợp quốc như: Trung tâm Phát triển con người thuộc Chương trình Phát triển Liên hợp quốc (UNDP), Ủy ban Kinh tế và xã hội Liên hợp quốc khu vực châu Á - Thái Bình Dương (UNESCAP) cũng đã đưa ra các yếu tố của quản trị tốt. Tựu trung lại, theo quan điểm của Liên hợp quốc, quản trị tốt bao gồm một số yếu tố cơ bản sau⁶:

Thứ nhất, sự tham gia (Participation) của công dân: Sự tham gia của công dân không chỉ là yêu cầu cơ bản của nền dân chủ, mà còn là phương diện không thể thiếu của quản trị dân chủ và quản trị tốt. Sự tham gia của công dân không chỉ là để thực hiện quyền công dân, mà

còn là một sự bổ sung cho giới hạn về nguồn lực, năng lực chuyên môn của nhà nước. Chính vì vậy, yêu cầu quan trọng đầu tiên của quản trị quốc gia hiện đại hoặc quản trị tốt là phải mở rộng và bảo đảm sự tham gia của công dân vào quá trình quản lý xã hội. Theo đó, nhà nước cần có cơ chế hợp lý để bảo đảm sự tham gia của công dân; đồng thời, thực hiện tốt các quyền của công dân như: Bầu cử, ứng cử, tự do ngôn luận, nêu sáng kiến chính sách, phê bình, kiến nghị, thảo luận, tranh luận và phản biện... Bên cạnh đó, cần tạo điều kiện để các tổ chức xã hội tham gia có hiệu quả vào quá trình quản lý cũng như tăng cường sự hợp tác giữa nhà nước với các tổ chức này.

Các tiêu chí đánh giá sự tham gia bao gồm: Chất lượng của hệ thống pháp luật về bầu cử (phạm vi thực hiện bầu cử trực tiếp, mức độ cạnh tranh trong bầu cử, mức độ tiếp xúc giữa cử tri với ứng viên trước bầu cử); mức độ tự quản ở cơ sở; hiệu quả của việc thực hiện cơ chế lắng nghe ý kiến, đối thoại, thảo luận, tranh luận và phản biện xã hội trong quá trình hoạch định chính sách; tính tự chủ và chất lượng hoạt động của các tổ chức xã hội; môi trường thể chế cho hoạt động của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội; mức độ ảnh hưởng của các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội đối với quá trình chính sách; sự hợp tác giữa các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân trong hoạt động cung ứng dịch vụ công; mức độ người dân sử dụng các nền tảng công nghệ số để nêu sáng kiến chính sách, thảo luận và đề xuất ý kiến, kiến nghị⁷...

Thứ hai, minh bạch (Transparency): “Minh bạch” được hiểu là tất cả công việc của các cơ quan nhà nước (trừ những vấn đề thuộc về bí mật quốc gia theo luật không được công khai) đều cần phải công khai để đảm bảo “quyền

được biết” và tiếp nhận sự giám sát của công dân. Tính minh bạch chủ yếu liên quan đến hai phương diện quan trọng: 1) Tính công khai về các thông tin liên quan đến chính sách và hoạt động của các cơ quan nhà nước; 2) Quyền được biết của công dân, tức người dân có thể thông qua nhiều phương thức khác nhau để nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng, đầy đủ từ các cơ quan nhà nước. Việc đảm bảo quyền được biết là tiền đề quan trọng để thực thi quyền tham gia và giám sát của người dân.

Tiêu chí đánh giá mức độ minh bạch gồm: Quy định pháp luật về công khai thông tin và hiệu quả thực hiện các quy định đó; chất lượng của hoạt động truyền thông chính trị; mức độ công khai trong quá trình hoạch định chính sách và hoạt động của các cơ quan công quyền; sự nắm bắt của công dân đối với các vấn đề chính trị; tính tự chủ của báo chí và sự đa dạng của các kênh tiếp cận thông tin; mức độ công khai và tính trung thực trong việc kê khai thu nhập và tài sản của đội ngũ cán bộ, công chức...

Thứ ba, pháp quyền hoặc nguyên tắc pháp quyền (Rule of Law): Pháp quyền là một trong những đặc trưng cốt lõi của quản trị quốc gia hiện đại, đồng thời là yêu cầu cơ bản của quản trị dân chủ. Theo Liên hợp quốc, pháp quyền là yếu tố cốt lõi giúp ngăn chặn hành vi lạm dụng quyền lực và củng cố niềm tin xã hội⁸. Nội hàm của pháp quyền gồm: 1) Xã hội có một hệ thống pháp luật tốt nhằm ghi nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm quyền con người, quyền công dân; 2) Sự độc lập và tính tự chủ của hệ thống tư pháp; 3) Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật, bất cứ người nào, tổ chức nào cũng đều có nghĩa vụ tuân thủ pháp luật; 4) Quyền công dân đều được tôn trọng và bảo đảm một cách đầy đủ; 5) Pháp luật là chuẩn mực cao nhất trong

quản trị quốc gia, tất cả hoạt động của khu vực công đều phải tuân theo pháp luật.

Tiêu chí cơ bản để đánh giá yếu tố này gồm: Thực trạng hoạt động lập pháp và tính đồng bộ của hệ thống pháp luật; sự tuân thủ pháp luật của các tổ chức trong hệ thống chính trị; sự hiểu biết và tôn trọng pháp luật của công chức và công dân; vai trò của pháp luật trong thực tế đời sống chính trị; tính tự chủ của hoạt động lập pháp và tư pháp; vai trò của đội ngũ luật sư; ý thức pháp luật của công chức và công dân; cơ chế kiểm tra tính hợp hiến, hợp pháp trong xây dựng chính sách của các cơ quan nhà nước và mức độ chấp hành các phán quyết tư pháp...

Thứ tư, trách nhiệm giải trình (Accountability): Trách nhiệm giải trình là nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo các cơ quan công quyền, cán bộ, công chức, viên chức và đơn vị cung cấp dịch vụ công phải chịu trách nhiệm trước công dân và cơ quan giám sát về những quyết định, hành động và kết quả thực hiện hành vi của mình. Cụ thể hơn, đây là nghĩa vụ của các cá nhân hoặc tổ chức trong khu vực công nhằm cung cấp thông tin đầy đủ, minh bạch về hành động của mình, giải thích lý do và chịu hậu quả nếu có sai phạm hoặc kém hiệu quả. Trong quản trị công, nguyên tắc này có ý nghĩa quan trọng vì nó giúp: 1) Tăng cường tính minh bạch, tức người dân có thể tiếp cận thông tin và hiểu được cách thức vận hành của bộ máy nhà nước; 2) Chống tham nhũng và lạm quyền, trở thành công cụ kiểm soát quyền lực hữu hiệu; 3) Nâng cao hiệu quả và chất lượng dịch vụ công, thúc đẩy cán bộ, công chức làm việc có trách nhiệm hơn; 4) Tăng cường niềm tin của người dân vào nhà nước.

Các tiêu chí chủ yếu đánh giá trách nhiệm giải trình trong quản trị công gồm: 1) Mức độ

minh bạch thông tin, nhất là mức độ công khai các quyết định, quy trình, ngân sách và kết quả hoạt động; 2) Mức độ và tính hiệu quả về góp ý kiến, phản hồi và giám sát của công dân; 3) Mức độ và chất lượng giải trình hành vi và quyết định, nhất là việc các tổ chức, cá nhân có giải thích rõ ràng, đầy đủ, kịp thời đối với người dân về hành vi và các quyết định của mình hay không; 4) Cơ chế giám sát và phản hồi, tức hệ thống kiểm tra, thanh tra, đánh giá độc lập và xử lý vi phạm như thế nào; 5) Trách nhiệm kỷ luật, tức có biện pháp xử lý khi xảy ra sai phạm, như khiển trách, bãi nhiệm, xử lý hành chính hoặc hình sự; 6) Hiệu quả thực thi nhiệm vụ, tức đo lường kết quả công việc so với mục tiêu đề ra.

Thứ năm, định hướng đồng thuận (Consensus-Oriented): Trong bối cảnh xã hội có sự đa dạng về lợi ích và giá trị, quản trị tốt đòi hỏi phải biết cân bằng các quan điểm và hướng đến lợi ích chung. Trong quản trị công, định hướng đồng thuận là một nguyên tắc cốt lõi nhằm đảm bảo các quyết định quan trọng, nhất là các quyết định ảnh hưởng đến lợi ích của nhiều người, nhiều nhóm xã hội, phải được đưa ra dựa trên sự tham gia, lắng nghe và tôn trọng ý kiến của nhiều bên liên quan. Quá trình này bao gồm việc tham vấn rộng rãi với các bên liên quan (người dân, tổ chức xã hội, doanh nghiệp...); cân bằng các lợi ích khác nhau; hướng đến giải pháp có thể chấp nhận được đối với đa số và không làm tổn hại lớn đối với thiểu số. Trong quản trị công, định hướng đồng thuận có ý nghĩa quan trọng, cụ thể: 1) Tăng cường tính chính danh, quyết định được đưa ra phản ánh lợi ích chung và được chấp nhận rộng rãi; 2) Giảm thiểu xung đột xã hội, do tạo diễn đàn để các bên liên quan thể hiện quan điểm nên quyết định đưa

ra có thể giảm thiểu sự xung đột; 3) Nâng cao chất lượng chính sách, thông qua tham vấn các bên liên quan trong quá trình hoạch định chính sách giúp các cơ quan nhà nước có thêm thông tin và góc nhìn từ thực tiễn, từ đó góp phần làm cho chính sách sát với thực tế hơn; 4) Tăng cường tính khả thi của chính sách và sự ủng hộ khi triển khai chính sách; 5) Thúc đẩy dân chủ và sự tham gia của người dân.

Các tiêu chí cơ bản đánh giá yếu tố định hướng đồng thuận trong quản trị công gồm: 1) Mức độ tham vấn rộng rãi, tức có tổ chức lấy ý kiến từ nhiều bên (người dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội...) khi hoạch định chính sách, nhất là các chính sách lớn, ảnh hưởng đến nhiều người, nhiều nhóm hay không; 2) Mức độ cân bằng lợi ích khác nhau trong thực tế, tức chính sách có đảm bảo được yêu cầu không thiên vị, thể hiện được sự dung hòa về mặt lợi ích giữa các nhóm, các bên liên quan hay không; 3) Mức độ minh bạch thông tin, tức thông tin, dữ liệu liên quan đến chính sách có được công bố đầy đủ, kịp thời để các bên liên quan hiểu rõ vấn đề hay không; 4) Tính sẵn có và đa dạng của các cơ chế đối thoại, phản hồi, tức có đảm bảo được việc để các bên liên quan bày tỏ ý kiến và phản hồi thông qua các kênh khác nhau hay không; 5) Mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với quyết định được ban hành và thực thi; 6) Tính bao trùm, tức có đảm bảo được việc để các nhóm yếu thế, thiểu số tham gia và có tiếng nói trong quá trình ban hành các quyết định hay không.

Thứ sáu, công bằng và bao trùm (Equity and Inclusiveness): Nội hàm cơ bản của nguyên tắc này chính là tất cả công dân - bất kể giới tính, dân tộc, tôn giáo hay địa vị xã hội - đều phải có cơ hội bình đẳng trong tiếp cận nguồn lực, cơ hội và hưởng lợi từ sự phát

triển. Công bằng xã hội không chỉ thể hiện trong phân phối giá trị xã hội và dịch vụ công, mà còn bao gồm sự công bằng về cơ hội, thể hiện ở việc nhà nước và chủ thể liên quan đảm bảo thực hiện các quyền cơ bản của công dân, như: Quyền tham gia, quyền tự do thể hiện ý kiến, quyền lao động, quyền nghỉ ngơi, quyền tài sản... Tính bao trùm chính là việc đảm bảo để mọi cá nhân và nhóm xã hội đều có thể tham gia vào tiến trình phát triển và đều được thụ hưởng thành quả của phát triển, “không để ai bị bỏ lại phía sau”.

Các tiêu chí cơ bản đánh giá yếu tố này bao gồm: Các chỉ số về bất bình đẳng thu nhập (hệ số GINI, hệ số ENGEL); khoảng cách phát triển giữa nông thôn và thành thị, giữa các vùng, miền; mức độ công bằng trong tiếp cận các dịch vụ công cơ bản (giáo dục, y tế, việc làm); tỷ lệ cán bộ nữ trong hệ thống chính trị; tính đại diện của đội ngũ công chức; tính đại diện của cơ quan lập pháp; mức độ công bằng trong cung ứng các dịch vụ công cơ bản; mức độ chăm lo lợi ích cho các nhóm yếu thế...

Thứ bảy, hiệu quả và hiệu lực (Effectiveness and Efficiency): Hiệu lực và hiệu quả của quản trị công được thể hiện qua một số phương diện như: Tính hợp lý trong sắp xếp bộ máy và sự vận hành thông suốt, hiệu quả của các cơ quan nhà nước; sự rõ ràng trong phân công nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức; sự tinh thông, thành thạo về nghiệp vụ và năng suất, chất lượng, hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức; khả năng đạt được chất lượng dịch vụ công cao với chi phí hợp lý; thực hiện tốt công bằng xã hội, giải quyết tốt mối quan hệ giữa công bằng và hiệu quả, coi trọng hiệu quả xã hội; nhấn mạnh sự phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Các tiêu chí đánh giá hiệu lực, hiệu quả gồm: 1) Tỷ lệ chi thường xuyên trong tổng chi ngân sách nhà nước; 2) Tỷ lệ giải ngân đúng hạn; 3) Năng lực và hiệu suất làm việc của đội ngũ cán bộ, công chức; 4) Tỷ lệ sai lầm của chính sách; 5) Tỷ lệ giữa “đầu vào” và “đầu ra” của dự án công; 6) Mức độ phát triển của chính phủ điện tử, chính phủ số; 7) Năng lực xử lý công việc của các cơ quan nhà nước; 8) Chất lượng dịch vụ công, nhất là dịch vụ công cơ bản, như chăm sóc sức khỏe, giáo dục, thủ tục hành chính công; 9) Mức độ hài lòng của công dân đối với chính sách và hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước...

Thứ tám, tính đáp ứng (Responsiveness): Tính đáp ứng là một trong những yếu tố quan trọng của quản trị công tốt. Nó đề cập đến năng lực của các cơ quan nhà nước và đội ngũ cán bộ, công chức trong việc kịp thời nắm bắt và đưa ra các biện pháp hiệu quả để giải quyết nhu cầu, nguyện vọng của công dân và các tổ chức xã hội. Quản trị công có tính đáp ứng đòi hỏi nhà nước, đặc biệt là các cơ quan hành chính phải “đặt mình” vào lập trường của người dân để suy nghĩ vấn đề, lắng nghe tiếng nói của người dân, chấp nhận những ý kiến và quan điểm khác biệt. Điều này đòi hỏi, nhà nước cần xây dựng các kênh đối thoại mang tính thể chế, tạo nền tảng để người dân tham gia đóng góp ý kiến. Nói khái quát, đây là khả năng và cam kết của các tổ chức công trong việc nhận diện, phản hồi và giải quyết một cách nhanh chóng, hiệu quả và phù hợp các yêu cầu, thắc mắc, khiếu nại, hoặc phản ánh từ công dân, doanh nghiệp, tổ chức xã hội.

Các tiêu chí cơ bản đánh giá tính đáp ứng của quản trị công thể hiện ở: 1) Tốc độ và chất lượng đáp ứng, phản hồi các ý kiến, kiến nghị của người dân và tổ chức; 2) Sự phù hợp của

các giải pháp so với nhu cầu thực tế; 3) Tính đa dạng và sẵn có của các cơ chế tiếp nhận và nắm bắt các ý kiến phản ánh của người dân và tổ chức; 4) Khả năng điều chỉnh chính sách dựa trên phản hồi và ý kiến của người dân; 5) Mức độ hài lòng của người dân đối với quá trình xử lý, giải quyết các vấn đề.

3. Giá trị tham khảo đối với việc đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại ở Việt Nam hiện nay

Đặc trưng cốt lõi của quản trị công tốt đó chính là nhấn mạnh tính dân chủ, pháp quyền trong tổ chức và hoạt động của nhà nước cũng như việc tối đa hóa lợi ích công và đảm bảo quyền con người, quyền công dân. Mặc dù quan điểm của Liên hợp quốc và một số tổ chức quốc tế không đề cập đến bản chất giai cấp của nhà nước, nhưng trên nhiều khía cạnh, nó có nhiều điểm chung với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh có thể thấy, yêu cầu về tính dân chủ, pháp quyền của nhà nước do giai cấp công nhân lãnh đạo nhằm đảm bảo quyền và lợi ích của nhân dân là một trong những nội dung nổi bật trong nền tảng tư tưởng của Việt Nam. Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất dân chủ của nhà nước xã hội chủ nghĩa về cơ bản thống nhất với quan điểm của Liên hợp quốc về tính dân chủ, pháp quyền và tối đa hóa lợi ích công của quản trị công tốt.

Về cơ bản, quan điểm của Liên hợp quốc về các yếu tố của quản trị tốt thống nhất với chủ trương của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cũng như đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại. Tuy có sự khác biệt về thuật ngữ, song xét về nội hàm bản chất, các yếu tố như: Sự tham gia,

minh bạch, trách nhiệm giải trình, pháp quyền, công bằng xã hội và bao trùm, định hướng đồng thuận... là những yêu cầu, định hướng quan trọng trong đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước; đặc biệt là ở các cơ quan hành chính trong thời kỳ đổi mới. Sự thống nhất này được thể hiện rõ trong thực tiễn. Chẳng hạn, *đối với yếu tố sự tham gia*, thời kỳ đổi mới, Đảng ta luôn nhấn mạnh việc phát huy dân chủ và tăng cường sự tham gia của Nhân dân; đồng thời, thể chế nhằm thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng không ngừng được hoàn thiện. Tại Đại hội XII, Đảng đã chỉ rõ: “Bảo đảm để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân, từ nêu sáng kiến, tham gia thảo luận, tranh luận đến giám sát quá trình thực hiện”⁹. *Đối với yếu tố sự minh bạch*, thời kỳ đổi mới, Đảng và Nhà nước đều nhấn mạnh việc thực hiện tốt sự công khai, minh bạch; đồng thời, chủ trương này còn được thể chế hóa qua nhiều văn bản, điển hình là việc ban hành Luật Tiếp cận thông tin năm 2016. *Đối với yếu tố pháp quyền*, nhiều khía cạnh thuộc nội hàm của nguyên tắc pháp quyền theo quan điểm của Liên hợp quốc cũng đã trở thành những yêu cầu quan trọng trong quá trình xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cũng như trong tổ chức, hoạt động của Nhà nước. *Đối với yếu tố trách nhiệm giải trình*, Đại hội XII của Đảng đã chỉ rõ: “Quy định chế độ cung cấp thông tin và trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước”¹⁰. Tương tự, đối với các yếu tố khác như định hướng đồng thuận, công bằng xã hội, hiệu lực, hiệu quả và tính đáp ứng... cũng luôn được Đảng và Nhà nước nhấn mạnh trong các chủ trương, chính sách và thể chế.

Thực tiễn đang đặt ra yêu cầu cấp bách đối với việc nghiên cứu, tham khảo quan điểm của Liên hợp quốc về quản trị tốt để vận dụng vào thực tiễn đổi mới quản trị quốc gia, quản trị địa phương theo hướng hiện đại ở nước ta hiện nay. Có thể khẳng định, mặc dù chủ trương về đổi mới quản trị quốc gia theo hướng hiện đại mới được chính thức đưa ra tại Đại hội XIII của Đảng, nhưng trên thực tế, mục tiêu và một số nội dung của xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; nhiều nội dung của quản trị tốt đã được vận dụng có chọn lọc trong suốt gần 40 năm đổi mới, lồng ghép trong các mục tiêu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và cải cách hành chính. Thực tiễn đổi mới ở nước ta cho thấy, việc đổi mới quản trị quốc gia, quản trị địa phương theo hướng hiện đại đã đạt được nhiều thành tựu to lớn. Tuy nhiên, dư địa để đổi mới quản trị quốc gia, quản trị địa phương theo hướng hiện đại cũng còn rất lớn. Báo cáo Chỉ số PAPI từ năm 2011 đến nay cho thấy, bên cạnh một số cải thiện, một số chỉ số quan trọng như: Sự tham gia của người dân, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình có sự cải thiện không đáng kể. Chẳng hạn, năm 2011, điểm trung bình chung của cả nước ở các tiêu chí, như: Sự tham gia của người dân; công khai, minh bạch; trách nhiệm giải trình với người dân tương ứng là 5,23; 5,47 và 5,5¹¹; thì đến năm 2024, số điểm của ba chỉ số tương ứng cũng chỉ là 4,98; 5,30 và 5,30¹². Chính vì vậy, việc thực hiện đồng bộ các giải pháp nhằm thúc đẩy các yếu tố cốt lõi của quản trị tốt vừa là định hướng quan trọng, vừa là yêu cầu cấp bách của đổi mới quản trị quốc gia, quản trị địa phương theo hướng hiện đại ở nước ta trong kỷ nguyên phát triển mới ■

- ¹ Xem: *Worldwide Governance Indicators (WGI)*, <https://www.worldbank.org/en/publication/worldwide-governance-indicators>
- ² Xem: Transparency International, *A Statement of Vision, Values and Guiding Principles for Transparency International*, <https://www.transparency.org/en/the-organisation/a-statement-of-vision-values-and-guiding-principles-for-transparency-international>
- ³ Xem: OECD, *Principles of Good Governance and Public Integrity*, <https://www.oecd.org/en/topics/governance.html>, 2005, 2017, 2022.
- ⁴ Xem: UNDP, *Governance for Sustainable Human Development*, <https://www.undp.org/sites/g/files/zskgke326/files/publications/Discussion-Paper--Governance-for-Sustainable-Development.pdf>
- ^{5,7} Xem: Nguyễn Trọng Bình, *Một số vấn đề lý luận về đánh giá quản trị công*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, số 10-2018, tr.52-56
- ⁶ Xem: UNESCAP, *What is Good Governance?*, <https://www.unescap.org/sites/default/files/good-governance.pdf>
- ⁸ Xem: UNDP, *Global Programme on Strengthening the Rule of Law in Conflict and Post-Conflict Situations*, <https://reliefweb.int>, December 1, 2009.
- ^{9,10} Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới, phần II (Đại hội X, XI, XII)*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2019, tr.700-701, 495.
- ¹¹ Xem: CECODES, VFF - CRT, RTA & UNDP, *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2011*, Hà Nội, 2012, tr.36+47+58.
- ¹² Xem: CECODES, VFF - CRT, RTA & UNDP, *Chỉ số Hiệu quả Quản trị và Hành chính công cấp tỉnh ở Việt Nam (PAPI) 2024*, Hà Nội, 2025, tr.103+105+107.



GIỚI THIỆU SÁCH

BẢO VỆ NỀN TẢNG TƯ TƯỞNG CỦA ĐẢNG TRÊN LĨNH VỰC VĂN HÓA, VĂN NGHỆ

TÁC GIẢ: PGS, TS. VŨ THỊ PHƯƠNG HẬU

Nxb. Lý luận chính trị

Năm xuất bản: 2023

Số trang: 226

Cuốn sách *Bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ* nhằm góp phần bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ trong bối cảnh, tình hình mới. Nội dung cuốn sách được kết cấu gồm hai phần: *Phần 1*, hệ thống hóa quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về văn hóa, văn nghệ; *phần 2*, hệ thống hóa quan điểm, đường lối của Đảng Cộng sản Việt Nam về văn hóa, văn nghệ theo các giai đoạn: 1930-1945, 1945-1954, 1954-1975, 1975-1985, thời kỳ đổi mới (từ năm 1986 đến nay).

Với các nội dung trên, cuốn sách khẳng định những tư tưởng, quan điểm đúng đắn, mang tính thời sự và tinh thần thời đại; nhận diện những quan điểm sai trái, phiến diện, lệch lạc về văn hóa, văn nghệ; đồng thời, phân tích lập luận của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam về phòng, chống những quan điểm sai trái đó nhằm bảo đảm sự phát triển đúng hướng của nền văn hóa, văn nghệ, góp phần tích cực vào quá trình xây dựng, bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh, tình hình hiện nay ■

HẢI NAM giới thiệu